

**CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN THT LAND VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BẤT ĐỘNG SẢN THT LAND VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM THT LAND REAL ESTATE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET NAM THT LAND REAL ESTATE CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109837170

**3. Ngày thành lập:** 29/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 19 ngõ 78 phố Lê Thanh Nghị, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 039 9999 689

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                           | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                  | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                  | 4330     |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                             | 4390     |
| 5.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa (không bao gồm đấu giá tài sản);<br>- Môi giới mua bán hàng hóa (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài) | 4610     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và các bộ đèn điện                                                                                                     | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi (Không bao gồm thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện)                                                                                   | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>(Không bao gồm thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện)                                                                                                                                      | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                 | 4659     |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                         | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>Đầu tư vốn để thực hiện hoạt động xây dựng, mua, nhận chuyển nhượng để bán, chuyển nhượng; cho thuê, cho thuê lại, cho thuê mua bất động sản; thực hiện dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản hoặc quản lý bất động sản nhằm mục đích sinh lợi. | 6810(Chính) |
| 12. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản<br>- Sàn giao dịch bất động sản                                                                                                                                                                                           | 6820        |
| 13. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4101        |
| 14. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4102        |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4211        |
| 16. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4212        |
| 17. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4221        |
| 18. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4222        |
| 19. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4223        |
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4229        |
| 21. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4291        |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4299        |
| 23. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4311        |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321        |
| 26. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm thiết bị thu phát sóng vô tuyến điện)                                                                                                                                                                                                                                                 | 4741        |
| 27. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TIỂU UYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/09/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079183012425

Ngày cấp: 09/08/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 21 Tô Hiến Thành, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 21 Tô Hiến Thành, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội